

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Loại hình đào tạo : Chính qui tập trung

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 233 /QĐ-CĐBC ngày 23 tháng 09 năm 2008 của
Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng BC Công Nghệ và Quản trị doanh nghiệp)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Khoa CNTT đào tạo các học viên trình độ cao đẳng, nắm vững nền tảng lý thuyết cơ bản cũng như thành thạo các kỹ năng cơ sở và hiện đại nhất của ngành CNTT, có trình độ tiếng Anh tương đương chứng chỉ B. Thích nghi với nền kinh tế thị trường đa dạng luôn biến động, có thể đáp ứng được các nhu cầu ngày càng cao của các nhà đầu tư trong các khu chế xuất và công nghiệp Tp.HCM nói riêng và cả nước nói chung. Khoa Công nghệ thông tin đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành, có khả năng nắm bắt được các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, có khả năng triển khai ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực xây dựng ngành công nghiệp CNTT, có kỹ năng để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong CNTT, cụ thể là:

- Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin
- Phát triển và khai thác các hệ chương trình ứng dụng
- Quản trị các hệ cơ sở dữ liệu quan hệ và hướng đối tượng
- Có kiến thức về hệ điều hành mạng phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng
- Làm việc theo nhóm, làm việc theo các dự án tin học
- Tự tìm hiểu và tiếp thu công nghệ mới nhanh chóng

Cử nhân cao đẳng CNTT có thể giải quyết các vấn đề lý thuyết, vấn đề ứng dụng của ngành CNTT vào các lĩnh vực công nghệ, sản xuất, quản lý, ... cũng có thể thiết kế và quản lý các dự án về CNTT cỡ nhỏ và trung bình, hoặc có khả năng tiếp tục học cao hơn ở các cấp đại học, sau đại học.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

03 năm (tương ứng 6 học kỳ)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

151 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục Thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (135 tiết).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Người đã tốt nghiệp PTTH, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương .

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo:

- Đào tạo theo Quy chế 25, điều 1: học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần của Bộ GD&ĐT .
- Đào tạo tập trung chính quy, kết hợp lý thuyết và thực hành trong 5 học kỳ đầu, học kỳ cuối (HK6) học một số môn tự chọn, thực tập tốt nghiệp, thi tốt nghiệp.
- Kết thúc môn học tổ chức thi hết môn, sinh viên phải đạt điểm từ trung bình trở lên mới đủ điều kiện xét thi tốt nghiệp.

- Đào tạo theo năm học:

Mỗi năm học có 2 học kỳ chính (mỗi học kỳ gồm 15 – 16 tuần học và 03 – 04 tuần thi) và học kỳ hè khoảng 06 tuần.

5.2. Điều kiện xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.
- Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp khi hoàn thành kì thi tốt nghiệp, có đủ 2 chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất và không còn nợ môn học.

6. THANG ĐIỂM

Điểm đánh giá học phần theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên, điểm 5/10 là đạt.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (TÊN VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN)

Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	47
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104

Trong đó:	
- Kiến thức cơ sở	32
- Kiến thức chung của ngành chính	27
- Kiến thức chuyên sâu của ngành chính	20
- Kiến thức bổ trợ	11
- Thực tập và Tốt nghiệp	14

Mô tả chi tiết cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (47 ĐVHT chưa tính GDTC và GDQP)

7.1.1. Lý luận chính trị: 15 đvht

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	STT MH
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	7.5	(1)
2.	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	3	(2)
3.	Đường lối của Đảng CSVN	4.5	(3)

7.1.2. Khoa học xã hội – ngoại ngữ (16 đvht)

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	STT MH
1.	Tâm lý giao tiếp	3	(4)
2.	Kinh tế học	3	(5)
3.	Tiếng Anh Cơ bản 1,2,3	10	(6)

7.1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường (16 đvht)

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	STT MH
1.	Tin học đại cương	(3+1)	(7)
2.	Toán ứng dụng	5	(8)
3.	Xác suất thống kê	3	(9)
4.	Vật lý đại cương	4	(10)

7.1.4. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	STT MH
1.	Giáo dục quốc phòng		135 tiết	(11)
2.	Giáo dục thể chất	3		(12)

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Khối kiến cơ sở (32 ĐVHT)

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ STT MH
			LT	TH	
1.	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	4	4	0	(13)
2.	Cơ sở lập trình	5	3	2	(14)
3.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	3	1	(15)
4.	Lập trình hướng đối tượng	4	3	1	(16)
5.	Cơ sở dữ liệu	4	3	1	(17)
6.	Phương pháp tính	3	3	0	(18)
7.	Lập trình trên Windows (C#)	4	3	1	(19)
8.	Lập trình Web	4	3	1	(20)

7.2.2. Khối kiến thức ngành chính (Ngành Công Nghệ Thông Tin)

7.2.2.1. Khối kiến thức chung của ngành chính (24 ĐVHT)

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ STT MH
			LT	TH	
1.	Mạng máy tính	4	3	1	(21)
2.	Hệ điều hành	4	3	1	(22)
3.	Phân tích thiết kế http	4	3	1	(23)
4.	Công nghệ phần mềm	4	3	1	(24)
5.	Kiến trúc máy tính	3	3	0	(25)
6.	Tự chọn 2 trong 3 môn (*)	8	6	2	

*** Danh sách các môn tự chọn của khối kiến thức chung (*). Chọn 2 trong 3 môn**

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	STT MH
1	Lập trình VB.NET	4 (3+1)	(26)
2	Đồ họa ứng dụng	4 (3+1)	(27)
3	Quản trị mạng	4 (3+1)	(28)

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (20 ĐVHT)

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	TRONG ĐÓ		STT MH
			LT	TH	
1	Thiết kế CSDL	4	4	0	(29)
2	Lập trình quản lý	4	2	2	(30)
4	Tự chọn (<i>Chọn 12 đvht trong danh sách *</i>)	12			

Các học phần tự chọn sẽ chọn 20 đvht từ danh sách các môn học sau, tùy theo chuyên ngành ở trên::

Danh sách các môn tự chọn (*) Chọn 3 trong 4 môn

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	STT MH
1.	Lập trình JAVA	4 (3+1)	(31)
2.	Chuyên đề đồ họa ứng dụng nâng cao	4 (1+3)	(32)
3.	Lập trình ASP.NET	4 (3+1)	(33)
4.	Chuyên đề Thương mại điện tử	4 (3+1)	(34)

7.2.3. Kiến thức bổ trợ (11 ĐVHT):

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ STT MH
			LT	TH	
1.	Quản trị học	3	3	0	(35)

2.	Anh văn chuyên ngành	4	4	0	(36)
3.	Kế toán tài chính	4	4	0	(37)

7.2.4 Thực tập và thi tốt nghiệp (14 đvht)

Chuyên đề thực tập (Thực tập tốt nghiệp)		4 đvht
Môn cơ sở	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	5 đvht
Môn chuyên ngành	Phân tích và thiết kế hệ thống (ứng dụng)	5 đvht
Môn chung	Lý luận chính trị	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mục tiêu đào tạo các đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ Cao Đẳng ngành Công Nghệ Thông Tin nhằm phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

HỌC KỲ	STT	MÔN HỌC	SỐ DVHT	TỔNG CỘNG
I	1	Giáo Dục Quốc Phòng		20
	2	Giáo Dục Thể Chất 1		
	3	NL cơ bản của CN Mac-Lênin 1	4	
	4	Vật Lý Đại Cương 1	2	
	5	Toán ứng dụng	5	
	6	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
	7	Tin Học Đại Cương	(1+3)	
	8	Kinh Tế Học	3	
II	1	Giáo Dục Thể Chất 2		22.5
	2	Vật Lý Đại Cương 2	2	
	3	Tiếng Anh cơ bản 2	4	
	4	NL cơ bản của CN Mac-Lênin 2	3.5	
	5	Xác Xuất Thống Kê	3	
	6	Tâm Lý Giao Tiếp	3	

	7	Cơ Sở Lập Trình	(3+2)	
	8	Kiến Trúc Máy Tính	3	
III	1	Giáo Dục Thể Chất 3		27
	2	Tiếng Anh cơ bản 3	4	
	3	Toán Rời Rạc Và Lý Thuyết Đồ Thị	4	
	4	Tư Tưởng HCM	3	
	5	Phương Pháp Tính	3	
	6	Cấu Trúc Dữ Liệu Và Giải Thuật	(3+1)	
	7	Cơ Sở Dữ Liệu	(3+1)	
	8	Hệ Điều Hành	(3+1)	
IV	1	Lập Trình Hướng Đối Tượng	(3+1)	26.5
	2	Đường lối cách mạng ĐCS Việt Nam	4.5	
	3	Quản Trị Học	3	
	4	Công Nghệ Phần Mềm	4	
	5	Phân Tích Và Thiết Kế Hệ Thống	(3+1)	
	6	Mạng Máy Tính	(3+1)	
	7	Ngoại Ngữ Chuyên Ngành	4	
V	1	Thiết Kế CSDL	4	28
	2	Lập trình quản lý	(2+2)	
	3	Lập trình trên Windows (C#)	(3+1)	
	4	Lập trình Web	(3+1)	
	5	Ba môn tự chọn	12	
VI	1	Hai môn tự chọn	8	26
	2	Kế Toán Tài Chính	4	
	3	Chuyên Đề Thực Tập	4	
	4	Thi Tốt Nghiệp	10	